Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Wortschatz zu Lektion 7: Man lernt nie aus				
Wie lernt der Mensch?				
	abstrakt		trừu tượng	
	bereits		đã	
	beschreiben		mô tả	
	effektiv		hiệu quả	
das	Gehirn	Gehirne	bộ não	
	intensiv		cao độ	
die	Kapazität	Kapazitäten	khả năng	
die	Kompetenz	Kompetenzen	năng lực	
	komplex		phức tạp	
das	Kurzzeitgedächtnis		bộ nhớ ngắn hạn	
das	Langzeitgedächtnis		bộ nhớ dài hạn	
der	Lernerfolg	Lernerfolge	thành công trong học tập	
	lösen		giải quyết	
	motorisch		vận động	
der	Podcast	Podcasts	podcast	
	relevant		thích hợp, liên quan	
der	Schlaf		ngủ	
der	Soft Skill	Soft Skills	kỹ năng mềm	
die	Teamfähigkeit		làm việc nhóm	
der	Test	Tests	kiểm tra	
	verarbeiten		xử lý	
	vermitteln		truyền đạt, làm trung gian	
	vorstellen		giới thiệu	
das	Vorwissen		kiến thức trước đó	
die	Wiederholung	Wiederholungen	sự lặp lại	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	Stell dir mal vor, ...		Hãy tưởng tượng xem...	
Kopf oder Herz?				
	analysieren		phân tích	
die	Eigenschaft	Eigenschaften	đặc điểm	
die	Emotion	Emotionen	cảm xúc	
	emotional		xúc động	
das	Ergebnis	Ergebnisse	kết quả	
der	Experte	Experten	chuyên gia (nam)	
die	Expertin	Expertinnen	chuyên gia (nữ)	
die	Fähigkeit	Fähigkeiten	khả năng	
	hilfreich		hữu ích, sẵn sàng giúp đỡ	
der	Hörer	Hörer	người nghe (nam)	
die	Hörerin	Hörerinnen	người nghe (nữ)	
die	Intelligenz	Intelligenzen	trí thông minh	
der	Intelligenzquotient	Intelligenzquotienten	chỉ số thông minh	
der	Lernprozess	Lernprozesse	quá trình học tập	
	motivieren		khuyến kích, tạo động lực	
die	Persönlichkeitsentwicklung	Persönlichkeitsentwicklungen	phát triển nhân cách	
die	Sendung	Sendungen	chương trình phát sóng	
die	Studie	Studien	học, nghiên cứu	
	theoretisch		về mặt lý thuyết	
	verlernen		quên đi (kỹ năng)	
	zeigen		thể hiện	
	eine Rolle spielen		đóng một vai trò	
Mein Opa lernt Englisch.				
	damals		thời đó	
	deutlich		rõ ràng	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
der	Elternteil	Elternteile	cha/mẹ	
	extrem		vô cùng	
der	Faktor	Faktoren	nhân tố	
die	Finanzen (Pl.)		tài chính (số nhiều)	
die	Motivation	Motivationen	động lực	
	nah		gần	
das	Schulfach	Schulfächer	môn học ở trường	
	Herzlich willkommen!		Chào mừng!	
Wortschatz zu Lektion 8: Gemeinsam in Vielfalt				
So unterschiedlich sind wir!				
der	Anhänger	Anhänger	tín đồ (nam)	Die Anhänger von Judentum, Christentum und Islam haben auch Gemeinsamkeiten.
die	Anhängerin	Anhängerinnen	tín đồ (nữ)	
der	Anteil	Anteile	phần	
	beten		cầu nguyện	
der	Buddhismus		phật giáo	
der	Christ	Christen	kitô giáo (nam)	
die	Christin	Christinnen	kitô giáo (nữ)	
das	Christentum		kitô giáo	
	ehren		tôn kính	
die	Entwicklung		phát triển	
	etwa		khoảng	
das	Geschlecht	Geschlechter	giới tính	
der	Glaube		niềm tin	
der	Gläubige	Gläubigen	tín đồ, người có đức tin (nam)	
die	Gläubige	Gläubigen	tín đồ, người có đức tin (nữ)	
der	Gott	Götter	chúa	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
das	Grundgesetz		hiến pháp, luật cơ bản	
	heilig		thánh thiện	
die	Herkunft	Herkünfte	nguồn gốc	
der	Hinduismus		ấn độ giáo	
der	Islam		hồi giáo	
der	Jude	Juden	do thái giáo (nam)	
die	Jüdin	Jüdinnen	do thái giáo (nữ)	
das	Judentum		do thái giáo	
die	Milliarde	Milliarden	tỷ	
der	Muslim	Muslime	người hồi giáo (nam)	
die	Muslimin	Musliminnen	người hồi giáo (nữ)	
	n. Chr. (nach Christus)		sau công nguyên	
	regional		theo vùng, địa phương	
die	Religion	Religionen	tôn giáo	
der	Teilnehmende	Teilnehmenden	người tham gia (nam)	
die	Teilnehmende	Teilnehmenden	người tham gia (nữ)	
	unterscheiden		phân biệt	
	unterschiedlich		khác biệt	
die	Vielfalt		đa dạng	
	weltweit		trên toàn thế giới	
die	Zuwanderung		nhập cư	
	zwar		đó là	
Manchmal fühle ich mich fremd.				
	dazugehören		điều này bao gồm	
	jemanden annehmen		chấp nhận ai đó	
	jemanden ablehnen		từ chối ai đó	
	sich fremd fühlen		cảm thấy xa lạ	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	sich etw. leisten können		có khả năng thực hiện gì đó	
	Kontakte knüpfen		thiết lập các mối quan hệ	
Ein Leben ohne Sport kann ich mir nicht vorstellen!				
die	Einschränkung	Einschränkungen	sự hạn chế	
	jedoch		tuy nhiên	
die	Leichtathletik		điền kinh	
die	Meisterschaft	Meisterschaften	giải vô địch	
die	Religionsfreiheit		tự do tôn giáo	
	sich etw. zutrauen		có đủ tự tin để làm điều gì đó	
der	Sieger	Sieger	người chiến thắng (nam)	
die	Siegerin	Siegerinnen	người chiến thắng (nữ)	
der	Sportler	Sportler	vận động viên (nam)	
die	Sportlerin	Sportlerinnen	vận động viên (nữ)	
die	Sportveranstaltung	Sportveranstaltungen	sự kiện thể thao	
der	Sportverein	Sportvereine	câu lạc bộ thể thao	
der	Standpunkt	Standpunkte	vị trí, quan điểm	
der	Wettkampf	Wettkämpfe	cuộc thi	
der	Zuschauer	Zuschauer	khán giả (nam)	
die	Zuschauerin	Zuschauerinnen	khán giả (nữ)	
Wortschatz zu Lektion 9: Für eine nachhaltigere Zukunft				
Ich wohne nachhaltig.				
	absolut		tuyệt đối	
der	Architekt	Architekten	kiến trúc sư (nam)	
die	Architektin	Architektinnen	kiến trúc sư (nữ)	
der	Aspekt	Aspekte	khía cạnh	
	autofrei		không có ô tô	
	automatisch		tự động	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
der	Bau	Bauten	việc xây dựng	
	billig		rẻ	
der	Bürgersteig	Bürgersteige	vỉa hè	
	durch		thông qua	
die	Emission	Emissionen	khí thải	
die	Energie	Energien	năng lượng	
	energieeffizient		tiết kiệm năng lượng	
	erfüllen		đáp ứng, thực hiện	
die	Forschung	Forschungen	nghiên cứu	
der	Fußgänger	Fußgänger	người đi bộ (nam)	
die	Fußgängerin	Fußgängerinnen	người đi bộ (nữ)	
die	Fußgängerzone	Fußgängerzonen	khu vực dành cho người đi bộ	
das	Gebäude	Gebäude	tòa nhà	
die	Grünfläche	Grünflächen	không gian xanh	
die	Infrastruktur	Infrastrukturen	cơ sở hạ tầng	
das	Kraftwerk	Kraftwerke	nhà máy điện	
	sich lohnen		đáng để, xứng đáng	
die	Mobilität		tính di động	
die	Nachhaltigkeit		tính bền vững	
der	Planet	Planeten	hành tinh	
die	Politik		chính trị	
die	Ressource	Ressourcen	tài nguyên	
	retten		cứu	
	schädlich		có hại	
die	Solaranlage	Solaranlagen	hệ thống năng lượng mặt trời	
die	Sonnenenergie	Sonnenenergien	năng lượng mặt trời	
der	Spezialist	Spezialisten	chuyên gia (nam)	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
die	Spezialistin	Spezialistinnen	chuyên gia (nữ)	
	sich spezialisieren (auf)		chuyên môn hóa (vào)	
der	Strom		điện	
die	Subvention	Subventionen	trợ cấp	
die	Technik	Techniken	kỹ thuật	
	umwandeln		chuyển thành, chuyển đổi	
der	Verbrauch		tiêu dùng	
die	Wärme		hơi ấm	
die	Zone	Zonen	vùng	
der	Zweifel	Zweifel	nghi ngờ	
Fahrradfahren in der Stadt – aber sicher!				
der	Bewohner	Bewohner	cư dân (nam)	
die	Bewohnerin	Bewohnerinnen	cư dân (nữ)	
	bezahlbar		có thể chi trả được, phải chăng	
	erhalten		nhận được, duy trì	
der	Fahrradfahrer	Fahrradfahrer	người đi xe đạp (nam)	
die	Fahrradfahrerin	Fahrradfahrerinnen	người đi xe đạp (nữ)	
das	Motto	Mottos	khẩu hiệu	
das	Naturmaterial	Naturmaterialien	vật liệu tự nhiên	
der	Parkplatz	Parkplätze	bãi đậu xe	
Da bleibt nichts übrig.				
	essbar		có thể ăn được	
	genießbar		có thể dùng	
der	Gewinn	Gewinne	lợi nhuận	
die	Landwirtschaft	Landwirtschaften	nông nghiệp	
die	Lebensmittelverschwendung		lãng phí thực phẩm	
	liefern		giao hàng	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	lokal		địa phương	
	national		quốc gia	
das	Start-up	Start-ups	khởi nghiệp	
	stoppen		dừng lại	
der	Teil	Teile	phần	
	verschwenden		lãng phí	
	wegwerfen		vứt bỏ	
der	Export	Exporte	xuất khẩu	
der	Import	Importe	nhập khẩu	
	exportieren		xuất khẩu	
	importieren		nhập khẩu	
Wortschatz zu Lektion 10: Im Laufe der Zeit				
Seit wann ist Deutschland wiedervereinigt?				
die	Besatzungszone	Besatzungszonen	khu vực chiếm đóng	
der	Besucher	Besucher	người đến thăm (nam)	
die	Besucherin	Besucherinnen	người đến thăm (nữ)	
das	Bundesland	Bundesländer	liên bang	
der	Bundesminister	Bundesminister	Bộ trưởng Liên bang (nam)	
die	Bundesministerin	Bundesministerinnen	Bộ trưởng Liên bang (nữ)	
der	Bundespräsident	Bundespräsidenten	Tổng thống Liên bang (nam)	
die	Bundespräsidentin	Bundespräsidentinnen	Tổng thống Liên bang (nữ)	
die	Bundesregierung	Bundesregierungen	Chính phủ liên bang	
der	Bundestag		Quốc hội Liên bang	
die	Demokratie	Demokratien	nền dân chủ	
	demokratisch		một cách dân chủ	
die	Demonstration	Demonstrationen	biểu tình	
die	Diktatur	Diktaturen	chế độ độc tài	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
die	Europäische Union (EU)		Liên minh châu Âu (eu)	
die	Freiheit		tự do	
	friedlich		hoà bình	
die	Grenze	Grenzen	biên giới	
das	Grundrecht	Grundrechte	quyền cơ bản	
die	Gründung	Gründungen	thành lập	
der	Kaiser	Kaiser	hoàng đế	
die	Kaiserin	Kaiserinnen	nữ hoàng	
das	Kaiserreich	Kaiserreiche	đế chế	
der	König	Könige	nhà vua	
die	Königin	Königinnen	nữ vương, vương hậu	
die	Macht		quyền lực	
die	Mauer	Mauern	tường	
der	Mauerfall		sự sụp đổ của bức tường	
der	Nationalsozialismus		chủ nghĩa quốc xã	
das	Parlament	Parlamente	quốc hội	
der	Politiker	Politiker	nhà chính trị (nam)	
die	Politikerin	Politikerinnen	nhà chính trị (nữ)	
die	Presse		báo chí	
die	Revolution	Revolutionen	cuộc cách mạng	
der	Staat	Staaten	nhà nước	
das	System	Systeme	hệ thống	
die	Überzeugung	Überzeugungen	sự thuyết phục	
die	Vergangenheit		quá khứ	
	virtuell		ảo	
	wiedervereinigen		thống nhất	
der	Zeitpunkt	Zeitpunkte	thời điểm	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
der	Zusammenschluss	Zusammenschlüsse	sự sáp nhập	
Das Grundgesetz ist Deutschlands Verfassung.				
	abstimmen (über)		biểu quyết, bỏ phiếu (về)	
die	Abstimmung	Abstimmungen	cuộc bỏ phiếu, biểu quyết	
der	Bund		chính phủ liên bang	
der	Bundesstaat	Bundesstaaten	bang	
die	Funktion	Funktionen	chức năng	
der	Grundwert	Grundwerte	giá trị cơ bản	
	politisch		về mặt chính trị	
	regeln		quy định	
das	Volk	Völker	nhân dân	
die	Wahl	Wahlen	bầu cử	
der	Wert	Werte	giá trị	
die	Wissenschaft	Wissenschaften	khoa học	
Die BRD ist Teil der EU.				
die	Diskussion	Diskussionen	cuộc thảo luận	
die	Ebene	Ebenen	cấp độ	
	endlich		cuối cùng	
die	Gemeinde	Gemeinden	xã, phường	
die	Gemeinschaft	Gemeinschaften	cộng đồng	
	gesamt		tổng cộng	
der	Kanton	Kantone	bang	
die	Volksabstimmung	Volksabstimmungen	trưng cầu dân ý	
die	Währung	Währungen	tiền tệ	
	Es geht los!		Bắt đầu thôi!	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Wortschatz zu Lektion 11: Im Namen der Gerechtigkeit				
Wir können alle gewinnen.				
	allgemein		nhìn chung	
die	Aussage	Aussagen	tuyên bố	
	bekannt		được biết đến	
	egoistisch		ích kỷ	
der	Fakt	Fakten	sự thật	
die	Gerechtigkeit		tính công bằng	
das	Gewissen		lương tâm	
	handeln		thương lượng	
die	Moral		đạo đức	
	moralisch		về mặt đạo đức	
der	Spielende	Spielenden	người chơi (nam)	
die	Spielende	Spielenden	người chơi (nữ)	
die	Stimme	Stimmen	phiếu bầu	
das	Strafrecht		luật hình sự	
die	Tragödie	Tragödien	thảm kịch	
der	Umschlag	Umschläge	phong bì	
das	Verbrechen		tội phạm	
	zerstören		hủy hoại	
	ein Verbrechen/eine Straftat begehen		phạm tội/vi phạm	
Hätte ich das gewusst, ...				
der	Angeklagte	Angeklagten	bị cáo (nam)	
die	Angeklagte	Angeklagten	bị cáo (nữ)	
der	Beschuldigte	Beschuldigten	bị can (nam)	
die	Beschuldigte	Beschuldigten	bị can (nữ)	
	bestrafen		trừng phạt	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
die	Bombe	Bomben	bom	
der	Diebstahl	Diebstähle	trộm cắp	
	einbrechen		đột nhập	
	folgen		hậu quả	
das	Gefängnis	Gefängnisse	nhà tù	
	gelten		áp dụng	
die	Justiz		công lý	
der	Schuldige	Schuldigen	thủ phạm (nam)	
die	Schuldige	Schuldigen	thủ phạm (nữ)	
	sogar		thậm chí	
die	Strafe	Strafen	hình phạt	
die	Tat	Taten	hành động	
der	Täter	Täter	thủ phạm (nam)	
die	Täterin	Täterinnen	thủ phạm (nữ)	
der	Verantwortliche	Verantwortlichen	người chịu trách nhiệm (nam)	
die	Verantwortliche	Verantwortlichen	người chịu trách nhiệm (nữ)	
der	Verurteilte	Verurteilten	người bị kết án (nam)	
die	Verurteilte	Verurteilten	người bị kết án (nữ)	
der	Zeuge	Zeugen	nhân chứng (nam)	
die	Zeugin	Zeuginnen	nhân chứng (nữ)	
	auf der Flucht sein vor etw./jdm.		đang chạy trốn khỏi cái gì đó/ai đó.	
	beteiligt sein an		tham gia vào	
	aussagen gegen		khai báo, làm chứng chống lại	
	gerecht		công bằng	
	ungerecht		không công bằng	
	jdm. auf die Spur kommen		theo dõi ai đó	
	zwingen zu etw.		ép buộc phải làm gì đó.	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
Mein Geschlecht entscheidet nicht über meine Verantwortung.				
der	Angehörige	Angehörigen	người thân (nam)	
die	Angehörige	Angehörigen	người thân (nữ)	
die	Betreuung		chăm sóc	
der	Gender-Care-Gap	Gender-Care-Gaps	chênh lệch-chăm sóc-giới tính	
die	Gleichstellung		sự bình đẳng	
die	Konsequenz	Konsequenzen	hậu quả	
die	Lücke	Lücken	khoảng cách	
die	Pflege		chăm sóc	
die	Sorgearbeit		công việc chăm sóc	
	wirtschaftlich		về mặt kinh tế	
	abhängig sein von		phụ thuộc vào	
	bezahlt		được trả tiền	
	unbezahlt		không được trả tiền	Frauen verbringen viel Zeit mit unbezahlter Sorgearbeit.
Wortschatz zu Lektion 12: Zukunftsvisionen				
Wenn es das alles nicht gegeben hätte ...				
der	Apparat	Apparate	thiết bị	
	(voll)autonom		(hoàn toàn) tự chủ	
der	Buchdruck		in sách	
	elektrisch		điện, bằng điện	
	erfinden		phát minh	
die	Erfindung	Erfindungen	sự phát minh	
	erwarten		trông chờ	
der	Fahrer	Fahrer	lái xe (nam)	
die	Fahrerin	Fahrerinnen	lái xe (nữ)	
die	Glühbirne	Glühbirnen	bóng đèn	
das	Grammophon	Grammophone	máy hát đĩa	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
	kopieren		sao chép	
das	Publikum		khán giả	
	sicherlich		chắc chắn	
die	(Kommunikations-)Technologie	(Kommunikations-)Technologien	công nghệ (truyền thông)	
	(sich) verändern		thay đổi	
das	Videotelefon	Videotelefone	điện thoại video	
	weiterhin		hơn nữa	
	wohl		có lẽ	
die	Zeitreise	Zeitreisen	du hành thời gian	
Wird uns die KI überholen?				
der	(Gesundheits-)Avatar	(Gesundheits-)Avatare	hình đại diện sức khỏe ảo	
die	Auswirkung	Auswirkungen	tác động	
	begrüßen		chào hỏi	
die	Daten (Pl.)		dữ liệu (số nhiều)	
die	Diagnose	Diagnosen	chẩn đoán	
	ersetzen		thay thế	
die	künstliche Intelligenz (KI)		trí tuệ nhân tạo (ai)	
	lebensecht		giống như thật	
	maschinell		bằng máy móc	
	menschlich		con người	
der	Psychologe	Psychologen	nhà tâm lý học (nam)	
die	Psychologin	Psychologinnen	nhà tâm lý học (nữ)	
	scannen		quét	
die	Therapie	Therapien	liệu pháp	
	überflüssig		thừa thãi	
der	Übersetzer	Übersetzer	người biên dịch (nam)	

© telc gGmbH – www.telc.net

Artikel	Deutsch	Plural	Übersetzung	Beispielsatz
die	Übersetzerin	Übersetzerinnen	người biên dịch (nữ)	
die	Übersetzung	Übersetzungen	bản dịch	
die	Veränderung	Veränderungen	thay đổi	
	(sich) weiterentwickeln		phát triển hơn nữa	
	zwischenmenschlich		quan hệ giữa con người	
	sich zugehörig fühlen		cảm thấy thuộc về	
KI und Kunst – Partner oder Konkurrenz?				
der	Autor	Autoren	tác giả (nam)	
die	Autorin	Autorinnen	tác giả (nữ)	
der	Beweis	Beweise	bằng chứng	
	beweisen		chứng minh	
der	Dichter	Dichter	nhà thơ	
die	Dichterin	Dichterinnen	nữ thi sĩ	
	erstellen		tạo nên	
die	Existenz		sự tồn tại	
	existieren		hiện hữu	
die	Gefahr	Gefahren	sự nguy hiểm	
die	Hausarbeit	Hausarbeiten	việc nhà	
	KI-generiert		do ai tạo ra	
die	Kunst		nghệ thuật	
der	Künstler	Künstler	nghệ sĩ (nam)	
die	Künstlerin	Künstlerinnen	nghệ sĩ (nữ)	
der	Poetry-Slam	Poetry-Slams	cuộc thi trình diễn thơ	
	unheimlich		kỳ bí	
das	Werk	Werke	tác phẩm	
	zurzeit		hiện nay	

© telc gGmbH – www.telc.net